

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 207/QĐ-BGDĐT

Hà Nội, ngày 16 tháng 01 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định về tuyển sinh và tổ chức đào tạo tiến sĩ năm 2012 theo ~~Đề án~~ **Đề án Đào tạo giảng viên có trình độ tiến sĩ cho các trường đại học, cao đẳng giai đoạn 2010 – 2020**

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	
C.V	Số: <u>668</u>
ĐẾN	Ngày: <u>6/3/2012</u>
	Chuyên: <u>P.60 P.X.Nh (6x)</u>
	<u>P.60 V.M.Giang (4/7)</u>

Ban DT (K/L)
Ban TC CB (P/H)
MT
Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 25 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 178/2007/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu của bộ, cơ quan ngang bộ;

Căn cứ Nghị định 32/2008/NĐ-CP ngày 19 tháng 03 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 911/QĐ-TTg ngày 17 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Đề án Đào tạo giảng viên có trình độ tiến sĩ cho các trường đại học, cao đẳng giai đoạn 2010 – 2020;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Giáo dục Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về tuyển sinh và tổ chức đào tạo tiến sĩ năm 2012 theo Đề án Đào tạo giảng viên có trình độ tiến sĩ cho các trường đại học, cao đẳng giai đoạn 2010-2020 (Đề án 911).

Điều 2. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Đại học, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch-Tài chính, Cục trưởng Cục Đào tạo với nước ngoài, Thủ trưởng các đơn vị liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo và Thủ trưởng các cơ sở giáo dục đại học chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, Vụ GDĐH.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



QUY ĐỊNH
VỀ TUYỂN SINH VÀ TỔ CHỨC ĐÀO TẠO TIẾN SĨ NĂM 2012
THEO ĐỀ ÁN ĐÀO TẠO GIÁNG VIÊN CÓ TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ CHO CÁC
TRƯỜNG ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG GIAI ĐOẠN 2010 – 2020 (ĐỀ ÁN 911)
(Ban hành kèm theo Quyết định số 207 /QĐ-BGDĐT ngày 16 tháng 01 năm 2012
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Đối tượng đào tạo của đề án 911

a) Giảng viên (biên chế hoặc hợp đồng) của các đại học, học viện, trường đại học (sau đây gọi chung là trường đại học) và cao đẳng trong cả nước.

b) Nghiên cứu viên (biên chế hoặc hợp đồng) của các Viện nghiên cứu khoa học, những người có năng lực và trình độ chuyên môn giỏi đang làm việc ngoài nhà trường, có nguyện vọng và cam kết làm giảng viên tại các trường đại học, cao đẳng sau khi được đào tạo.

c) Sinh viên vừa tốt nghiệp đại học hoặc thạc sĩ loại khá trở lên, có nguyện vọng và cam kết trở thành giảng viên trường đại học, cao đẳng sau khi được đào tạo.

2. Ngành đào tạo: Tất cả các ngành đào tạo; ưu tiên các ngành khoa học kỹ thuật, công nghệ, khoa học tự nhiên, nông nghiệp và một số ngành khoa học xã hội và nhân văn.

3. Thời gian thực hiện: từ 2010 – 2020.

4. Phương thức đào tạo: thực hiện 3 phương thức đào tạo:

a) Đào tạo ở nước ngoài: Nghiên cứu sinh được gửi đi đào tạo toàn thời gian tại các cơ sở đào tạo có uy tín ở nước ngoài.

b) Đào tạo theo hình thức hỗn hợp: Chương trình đào tạo được thực hiện một phần ở trong nước, một phần ở nước ngoài, với sự kết hợp đào tạo giữa các trường đại học trong nước và trường đại học nước ngoài.

c) Đào tạo trong nước: Chương trình đào tạo toàn thời gian ở trong nước; trong đó nghiên cứu sinh được gửi đi thực tập nghiên cứu ở nước ngoài từ 3 đến 6 tháng.

5. Điều kiện và tiêu chuẩn chung đối với người dự tuyển

Người dự tuyển các chương trình đào tạo theo đề án 911 phải đáp ứng các điều kiện và tiêu chuẩn chung sau đây:

a) Có phẩm chất đạo đức tốt, đủ sức khỏe để học tập, cam kết trở về nước phục vụ tại trường đã cử đi học (hoặc trường đã có văn bản đồng ý tiếp nhận sau khi tốt nghiệp đối với người chưa là giảng viên nêu tại điểm c khoản này).

b) Không quá 45 tuổi (tính đến thời điểm đăng ký dự tuyển).

c) Đối với đối tượng là nghiên cứu viên phải được cơ quan công tác đồng ý và có công văn cử đi đào tạo về làm giảng viên trường đại học, cao đẳng; người chưa có cơ quan công tác, sinh viên vừa tốt nghiệp đại học hoặc thạc sĩ phải được một trường đại học, cao đẳng đồng ý tiếp nhận làm giảng viên sau khi tốt nghiệp về nước.

d) Ngoại ngữ: có đủ năng lực ngoại ngữ để nghiên cứu, học tập trong và ngoài nước; tham gia hội nghị, hội thảo quốc tế; công bố quốc tế các kết quả nghiên cứu.

đ) Chuyên môn: có kết quả học tập ở trình độ đại học hoặc thạc sĩ đạt yêu cầu để học tập và nghiên cứu ở trình độ tiến sĩ. Đăng ký ngành học phù hợp với ngành đã tốt nghiệp đại học hoặc thạc sĩ.

6. Trách nhiệm của nghiên cứu sinh

- Nghiên cứu sinh sau khi hoàn thành chương trình đào tạo phải trở về phục vụ tại trường đã cử đi đào tạo (hoặc trường có văn bản đồng ý tiếp nhận sau khi tốt nghiệp đối với người chưa là giảng viên nêu tại điểm c Khoản 5 Phần này).

- Nghiên cứu sinh không hoàn thành chương trình đào tạo vì lí do chủ quan, không chấp hành đủ thời gian làm việc tại các trường đại học, cao đẳng sau khi được đào tạo theo quy định sẽ phải bồi thường chi phí đào tạo.

- Thời gian phục vụ sau khi được đào tạo, mức bồi thường chi phí đào tạo thực hiện theo quy định tại Nghị định số 54/2005/NĐ-CP ngày 19/4/2005 của Chính phủ.

II. ĐÀO TẠO Ở NƯỚC NGOÀI

1. Thời gian và chỉ tiêu đào tạo

- Thời gian đào tạo: từ 3 đến 5 năm

- Chỉ tiêu: tổng chỉ tiêu dự kiến là 10.300 NCS được tuyển chọn gửi đi đào tạo ở nước ngoài. Từ 2010 đến 2013, tuyển từ 600 đến 800 NCS/năm. Từ 2014 đến 2020, tuyển từ 1000 đến 1300 NCS/năm.

- Dự kiến số lượng giảng viên gửi đi đào tạo TS ở các nước từ 2010 – 2020 theo bảng tổng hợp sau:

DVT: người

Nước	Số lượng đào tạo	Nước	Số lượng đào tạo
Anh	300	Hoa Kỳ	1000
Australia	400	Nga	1000
New Zealand	200	Trung Quốc	1000
Singapore	300	Pháp	1900

Hàn Quốc	500	Đức	1900
Canada	300	Nhật Bản	1000
Các nước khác	500		
Tổng số:	10.300		

2. Điều kiện và tiêu chuẩn đối với người dự tuyển

Ngoài các điều kiện và tiêu chuẩn chung quy định tại Khoản 5 Phần I của Quy định này, người dự tuyển đi đào tạo ở nước ngoài cần đáp ứng các điều kiện ngoại ngữ sau:

a) Người dự tuyển đăng ký đi học bằng tiếng Anh: có trình độ tiếng Anh tối thiểu đạt IELTS 5.5 hoặc TOEFL 500 hoặc tương đương. Đối với những người đăng ký đi học tại Hoa Kỳ, Australia, New Zealand và Canada phải đạt trình độ tiếng Anh IELTS 6.0 hoặc TOEFL 550 điểm trở lên trước khi ra quyết định cử đi học.

b) Người dự tuyển đăng ký đi học bằng tiếng Pháp tại các nước ngoài nước Pháp (như Bỉ, Canada, Thụy Sĩ...) phải có trình độ tiếng Pháp đạt TCF 350 điểm trở lên hoặc tương đương.

c) Người dự tuyển đăng ký đi học bằng tiếng Anh tại Pháp: ngoài việc đạt yêu cầu về trình độ tiếng Anh nêu tại điểm a khoản này, người đi học cần có trình độ tiếng Pháp đạt TCF 200 điểm trở lên.

d) Người dự tuyển đăng ký đi học bằng tiếng Pháp tại Pháp, tiếng Nga tại Nga và các nước SNG, tiếng Đức tại Đức, Tiếng Hán tại Trung Quốc (kể cả Đài Loan, Macao, Hồng Kông: không yêu cầu có chứng chỉ về trình độ ngoại ngữ trước khi dự tuyển và sẽ được Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp với các nước đối tác tổ chức đào tạo ngoại ngữ; người học cần đạt trình độ ngoại ngữ của trường tiếp nhận trước khi có quyết định cử đi học.

đ) Những người có bằng tốt nghiệp đại học hoặc thạc sĩ ở nước ngoài nay trở lại nước đó học tập hoặc ngôn ngữ đã sử dụng trong học tập ở nước ngoài phù hợp với ngôn ngữ sẽ sử dụng trong học tập kỳ này thì được miễn yêu cầu về ngoại ngữ khi đăng ký dự tuyển.

3. Tổ chức thực hiện

a) Lập kế hoạch và tiến hành tuyển chọn:

- Các Trường đại học, cao đẳng lập kế hoạch, nhu cầu đào tạo giảng viên theo kế hoạch từng năm, 3 năm, 5 năm và 10 năm; theo ngành đào tạo cụ thể, gửi đến Bộ Giáo dục và Đào tạo trước ngày 30/10 hằng năm.

- Các trường cần chú trọng gửi giảng viên đi đào tạo theo nhóm ngành, lĩnh vực chuyên môn, tại các trường đại học đối tác nước ngoài, với những điều kiện ưu đãi, cam kết cụ thể của mỗi bên trên cơ sở văn bản thỏa thuận hợp tác ký kết với trường đối tác.

- Hằng năm, Bộ Giáo dục và Đào tạo ra thông báo tuyển sinh và quy định cụ thể về chỉ tiêu, ngành đào tạo, hồ sơ dự tuyển, thời gian và phương thức tiếp nhận xử lý hồ sơ, ra quyết định danh sách ứng viên trúng tuyển chuẩn bị đi học ở nước ngoài.

b) Cử nghiên cứu sinh đi học ở nước ngoài

Trên cơ sở danh sách ứng viên trúng tuyển, Bộ Giáo dục và Đào tạo (Cục Đào tạo với nước ngoài) sẽ trực tiếp liên hệ hoặc phối hợp với các trường trong nước để gửi hồ sơ ứng viên tới các trường đại học nước ngoài. Các trường đại học nước ngoài sẽ tiến hành xét hồ sơ và ra quyết định việc tiếp nhận đối với từng NCS.

NCS cũng có thể tự liên hệ với trường đại học nước ngoài theo danh sách các trường trong từng nước đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo xác định để được tiếp nhận.

c) Chế độ tài chính

- NCS đi học ở nước ngoài được Nhà nước đảm bảo học phí, các loại phí bắt buộc liên quan đến khóa học, kinh phí hỗ trợ cho NCS tham dự hội nghị/hội thảo ở nước thứ ba, sinh hoạt phí, bảo hiểm y tế, phí đi đường, lệ phí làm hộ chiếu và visa, vé máy bay một lượt đi và về theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Trường hợp người trúng tuyển được nước ngoài cấp học bổng cao hơn học bổng của Đề án 911 thì người trúng tuyển chỉ được hưởng 01 học bổng do nước ngoài cấp. Nếu học bổng do nước ngoài cấp thấp hơn học bổng của Đề án 911 thì Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ cấp bù để đạt mức học bổng của Đề án.

III. ĐÀO TẠO THEO HÌNH THỨC HỖN HỢP

1. Thời gian và chỉ tiêu đào tạo

- Thời gian: NCS có một phần thời gian học tập trong nước và một phần thời gian học tập ở nước ngoài tùy theo thỏa thuận đào tạo hỗn hợp giữa hai bên nhưng thời gian đào tạo ở nước ngoài không quá 50% tổng thời gian đào tạo toàn khóa.

- Chỉ tiêu: Tổng chỉ tiêu dự kiến 3.900 NCS. Năm 2011- 2012 dự kiến tuyển 200 NCS. Số lượng NCS tăng dần đến năm 2020 đạt 600 NCS/năm.

2. Điều kiện và tiêu chuẩn đối với người dự tuyển:

Ngoài điều kiện và tiêu chuẩn chung, người dự đào tạo theo hình thức hỗn hợp phải đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ nêu trong Đề án hỗn hợp được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt, trong đó điều kiện đầu vào không thấp hơn đối với NCS trong nước; điều kiện khi đi học tập ở trường đại học nước ngoài không thấp hơn đối với NCS đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài quy định tại Khoản 2 Phần II của Quy định này.

Hằng năm các trường ra thông báo tuyển sinh trong đó nêu cụ thể về chỉ tiêu và ngành đào tạo, đối tượng, điều kiện và tiêu chuẩn của người dự tuyển; hồ sơ và lệ phí tuyển sinh, quyền lợi và nghĩa vụ của người trúng tuyển, thời gian tuyển chọn và ra quyết định công nhận trúng tuyển, triển khai khóa đào tạo.

3. Đăng ký nhận nhiệm vụ đào tạo hỗn hợp

a) Điều kiện để được giao nhiệm vụ đào tạo hỗn hợp

- Là cơ sở đào tạo trình độ tiến sĩ, có đội ngũ cán bộ khoa học vững mạnh đáp ứng yêu cầu đào tạo hỗn hợp, có kinh nghiệm và thành tích trong nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế, đặc biệt trong nghiên cứu khoa học và đào tạo NCS với trường đối tác.

- Có cơ sở vật chất, thư viện đảm bảo để thực hiện chương trình đào tạo NCS hỗn hợp theo yêu cầu của trường đối tác.

- Có chương trình và kế hoạch đào tạo hỗn hợp phù hợp, đảm bảo sự tham gia và chia sẻ trách nhiệm của bên Việt Nam và bên nước ngoài trong suốt quá trình đào tạo NCS; có đồng hướng dẫn của cả hai bên, có sự tổ chức hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, hội thảo chuyên ngành... tại cơ sở đào tạo Việt Nam; có sự tham gia của các giáo sư và trường nước ngoài.

- Khuyến khích thời gian đào tạo tại Việt Nam nhiều hơn và tổ chức bảo vệ luận án tại Việt Nam có sự tham gia của các giáo sư nước ngoài.

b) Các cơ sở đào tạo đủ điều kiện đào tạo theo hình thức hỗn hợp theo quy định tại điểm a Khoản 3 Phần III của Quy định này, xây dựng đề án gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo (Vụ Giáo dục Đại học) để tổ chức thẩm định và phê duyệt. Ưu tiên giao nhiệm vụ triển khai thực hiện chương trình này cho các cơ sở đào tạo đã và đang liên kết đào tạo tiến sĩ hoặc có hợp đồng thỏa thuận hợp tác đào tạo phù hợp với quy định đào tạo tiến sĩ theo hình thức hỗn hợp.

c) Đề án đào tạo tiến sĩ theo hình thức hỗn hợp được xây dựng theo quy định tại phụ lục I, bao gồm những nội dung chính như sau:

- Xác định rõ trường đối tác nước ngoài; ngành đào tạo, chương trình đào tạo; quy mô, thời gian đào tạo tại mỗi nước.

- Đối tượng, điều kiện và tiêu chuẩn đối với người dự tuyển; dự toán kinh phí chi tiết.

- Quy chế đào tạo phối hợp, trong đó nêu rõ nhiệm vụ và trách nhiệm của mỗi bên trong tổ chức đào tạo, hướng dẫn luận án, bảo vệ luận án, hỗ trợ NCS đăng bài báo quốc tế, tham dự hội nghị/hội thảo quốc tế.

- Các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo để thực hiện chương trình đào tạo hỗn hợp bao gồm: đội ngũ cán bộ khoa học; cơ sở vật chất; kinh nghiệm đào tạo và hoạt động nghiên cứu khoa học của cả hai bên; kinh nghiệm hợp tác quốc tế trong đào tạo tiến sĩ với các trường đối tác; cam kết đầu ra: số lượng bài báo khoa học công bố trong nước (tạp chí chuyên ngành tính đến 1 điểm của Hội đồng chức danh giáo sư nhà nước quy định), số lượng bài báo khoa học công bố ngoài nước (tạp chí có uy tín); số lượng hội thảo khoa học (trong nước, nước ngoài) tham gia có báo cáo...

- Cơ cấu tổ chức thực hiện Đề án, các biện pháp xử lý rủi ro.....

- Trách nhiệm của mỗi bên trong việc tuyển chọn NCS, đào tạo và đánh giá luận án tốt nghiệp; giảng viên Việt Nam, giảng viên nước ngoài tham gia giảng dạy và hướng dẫn, nơi bảo vệ luận án, cơ sở đào tạo chịu trách nhiệm cấp bằng...

4. Tổ chức đào tạo:

Đảm bảo thực hiện đúng các quy định về nhiệm vụ của NCS, giảng viên, người hướng dẫn khi thực hiện tại trường của Việt Nam và trường đối tác. Chú trọng các hoạt động tham dự hội nghị, hội thảo quốc tế; thực hiện thực nghiệm, thí nghiệm (đối với các đề tài công nghệ, kỹ thuật) tại trường đối tác; đăng bài báo trên các tạp chí khoa học quốc tế có uy tín.

- Hằng năm, các cơ sở đào tạo các chương trình hỗn hợp báo cáo kết quả thực hiện về Vụ Giáo dục Đại học và Cục Đào tạo với nước ngoài của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. Chế độ tài chính

- Trong thời gian đào tạo ở trong nước, cơ sở đào tạo Việt Nam được cấp kinh phí cho đào tạo, NCS được cấp kinh phí hỗ trợ học tập theo quy định.

- Trong thời gian đi học ở nước ngoài, NCS được đảm bảo các khoản học phí, sinh hoạt phí, vé máy bay đi và về từ 1 đến 2 lượt, bảo hiểm y tế, lệ phí làm hộ chiếu và visa, phí đi đường theo quy định hiện hành của Nhà nước.

IV. ĐÀO TẠO Ở TRONG NƯỚC

1. Thời gian và chỉ tiêu đào tạo

- Thời gian đào tạo: 3-5 năm (trong đó có 3 đến 6 tháng thực tập, nghiên cứu ở nước ngoài)

- Chỉ tiêu: Tổng chỉ tiêu dự kiến là 13.900 NCS đào tạo tại các cơ sở đào tạo có uy tín ở trong nước. Năm 2011 – 2012, dự kiến mỗi năm tuyển 1200 NCS, các năm sau tăng dần, đến năm 2020 đạt mức 1600 NCS/năm.

2. Điều kiện và tiêu chuẩn đối với người dự tuyển

Trên cơ sở điều kiện và tiêu chuẩn chung của người dự tuyển theo Đề án 911, quy định của Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ hiện hành, hằng năm các cơ sở đào tạo được Bộ Giáo dục và Đào tạo giao nhiệm vụ đào tạo cho Đề án 911 sẽ ra thông báo tuyển sinh trong đó quy định cụ thể về chỉ tiêu và ngành đào tạo, đối tượng, điều kiện và tiêu chuẩn của người dự tuyển; hồ sơ và lệ phí tuyển sinh, thời gian tuyển chọn và đào tạo; quyền lợi và nghĩa vụ của người trúng tuyển.

3. Đăng ký nhận nhiệm vụ đào tạo

a) Tiêu chí, điều kiện để nhận nhiệm vụ đào tạo NCS cho Đề án 911

hiện thực nghiệm, thí nghiệm (đối với các đề tài công nghệ, kỹ thuật); đăng bài báo quốc tế; mời các nhà khoa học nước ngoài tham gia phản biện hoặc hội đồng bảo vệ luận án của nghiên cứu sinh.

Hàng năm, các cơ sở đào tạo báo cáo kết quả thực hiện về Vụ Giáo dục Đại học - Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. Chế độ tài chính

NCS và cơ sở đào tạo trong nước được đảm bảo:

- Chi phí cho đào tạo các học phần, các chuyên đề trình độ tiến sĩ;
- Chi phí cho nghiên cứu khoa học, thực hành, thí nghiệm, thực địa... theo yêu cầu của đề tài nghiên cứu;
- Chi phí cho NCS đi thực tập ngắn hạn ở nước ngoài (bao gồm các chi phí như NCS đi đào tạo ở nước ngoài trong thời gian thực tập);
- Chi phí hỗ trợ đăng kết quả nghiên cứu trên các tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín ở trong nước và nước ngoài; tham dự các hội nghị, hội thảo quốc tế;
- Chi phí cho in ấn và tổ chức bảo vệ luận án;
- Chi phí hỗ trợ NCS trong thời gian đào tạo.

V. ĐÀO TẠO VÀ BỒI DƯỠNG NGOẠI NGỮ, KỸ NĂNG TẠI CÁC TRUNG TÂM ĐÀO TẠO TIỀN TIẾN SĨ

1. Đối tượng và số lượng đào tạo

a) Đối tượng đào tạo tại các trung tâm tiến sĩ:

- Những người đã trúng tuyển đi học ở nước ngoài hoặc đào tạo hỗn hợp nhưng chưa đủ điều kiện về ngoại ngữ quy định tại Khoản 2 Phần II của Quy định này để được ra quyết định cử đi học nước ngoài.
- Những người đã trúng tuyển hoặc chuẩn bị dự tuyển chương trình đào tạo trong nước, đào tạo hỗn hợp, có trình độ ngoại ngữ đạt cấp độ tối thiểu A2 hoặc bậc 2/6 Khung tham khảo Châu Âu chung về ngoại ngữ.

b) Số lượng dự kiến: chiếm 60% tổng số NCS tuyển mới hàng năm.

2. Nhiệm vụ của Trung tâm đào tạo tiến sĩ

Trung tâm đào tạo tiến sĩ có nhiệm vụ chuẩn bị kiến thức, kỹ năng cần thiết cho các giảng viên trước hoặc sau khi dự tuyển làm NCS, bao gồm: đào tạo ngoại ngữ; phương pháp nghiên cứu; chuẩn bị đề cương nghiên cứu; hồ sơ xin học; tìm hiểu về văn hóa, môi trường, kinh nghiệm học tập ở nước ngoài; về chính trị tư tưởng, quy chế lưu học sinh Việt Nam, đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước, cụ thể như sau:

a) Về đào tạo ngoại ngữ: bồi dưỡng nâng cao một số ngoại ngữ chủ yếu (tiếng Anh, Nga, Trung, Đức, Pháp) đạt yêu cầu của các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước; kỹ năng học tập, nghiên cứu cần thiết cho quá trình theo học nghiên cứu sinh. Đối với NCS đăng ký đi đào tạo ở Pháp và Đức, tiếng Pháp chủ yếu do Đại sứ quán Pháp và tiếng Đức do các trường đại học Đức và Tổ chức DAAD hỗ trợ đào tạo tại Việt Nam.

b) Hỗ trợ học viên tăng cường năng lực chuẩn bị hồ sơ, chuẩn bị bài luận dự định nghiên cứu (statement of purpose), đề xuất hướng nghiên cứu; hỗ trợ NCS tìm giáo sư viết thư giới thiệu theo học các chương trình đào tạo ở nước ngoài; giới thiệu phương pháp nghiên cứu và chia sẻ kinh nghiệm về quá trình học tiến sĩ; lập danh mục các trường và website liên kết với các chương trình đào tạo tiến sĩ trong chuyên ngành để học viên tìm hiểu; tổ chức học chính trị tư tưởng; phổ biến Quy chế lưu học sinh Việt Nam ở nước ngoài; đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước... cho NCS trước khi ra nước ngoài học tập.

3. Thời gian đào tạo:

Giai đoạn tiền tiến sĩ được thực hiện trong thời gian tối đa 9 tháng theo hình thức đào tạo tập trung, chủ yếu phụ thuộc vào thời gian (khối lượng kiến thức) NCS phải học để nâng cao trình độ ngoại ngữ theo yêu cầu của các chương trình đào tạo. Phần bồi dưỡng chuẩn bị kiến thức, kỹ năng được thực hiện lồng ghép trong thời gian đào tạo ngoại ngữ.

4. Điều kiện để được giao nhiệm vụ đào tạo tiền tiến sĩ:

a) Là cơ sở giáo dục có đội ngũ giảng viên đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng để tổ chức đào tạo chương trình đào tạo tiền tiến sĩ, cụ thể:

- Có khả năng xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình đào tạo ngoại ngữ đảm bảo cho NCS đạt yêu cầu ngoại ngữ theo quy định tại Khoản 2 Phần II và kiến thức chuyên môn quy định tại điểm b Khoản 2 Phần V của Quy định này.

- Đội ngũ giảng viên ngoại ngữ tại Trung tâm tiền tiến sĩ bao gồm: giảng viên Việt Nam và giảng viên bản ngữ có kinh nghiệm trong lĩnh vực giảng dạy ngoại ngữ và được đào tạo trình độ sau đại học từ các trường đại học danh tiếng ở nước ngoài.

- Đội ngũ giảng viên giảng dạy bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng là những người có trình độ tiến sĩ về quản lý giáo dục, giáo dục học, phương pháp luận nghiên cứu khoa học; am hiểu, có kinh nghiệm trong đào tạo, bồi dưỡng những người làm công tác nghiên cứu khoa học và đổi mới giáo dục đại học; có hiểu biết về văn hóa, môi trường, kinh nghiệm học tập ở nước ngoài;

b) Có chương trình đào tạo ngoại ngữ phù hợp với các trình độ đầu vào khác nhau của người học, chú trọng kỹ năng giao tiếp và sự tự học, tự nghiên cứu của người học, đảm bảo cho NCS đạt yêu cầu ngoại ngữ theo các quy định cụ thể cho từng phương thức đào tạo.

c) Có cơ sở vật chất, trang thiết bị, thư viện bảo đảm đáp ứng yêu cầu đào tạo tiên tiến sĩ, cụ thể:

- Có đủ phòng học với trang thiết bị hiện đại, phù hợp cho giảng dạy ngoại ngữ với mỗi lớp từ 15-20 học viên, bao gồm máy chiếu, đầu máy DVD, máy tính kết nối Internet, trang thiết bị đa phương tiện, phòng học tiếng...

- Thư viện có trung tâm tư liệu và tự học, đủ nguồn thông tin tư liệu, tài liệu học tập, băng đĩa và các phần mềm học ngoại ngữ... và trang thiết bị, phương tiện (máy tính kết nối Internet, máy cassette...) để người học tìm hiểu, tra cứu, tự học và tự rèn luyện các kỹ năng cần thiết.

d) Có kinh nghiệm hợp tác quốc tế trong lĩnh vực giảng dạy ngoại ngữ và bồi dưỡng chuyên môn, kỹ năng khác với các trường, tổ chức, trung tâm quốc tế đảm bảo phục vụ cho đào tạo ngoại ngữ và các kiến thức, kỹ năng khác theo yêu cầu.

5. Đăng ký nhận nhiệm vụ đào tạo tiên tiến sĩ

Cơ sở giáo dục đảm bảo đủ các điều kiện quy định tại Khoản 4 Phần V của Quy định này, xây dựng đề án trình Bộ Giáo dục và Đào tạo giao nhiệm vụ đào tạo tiên tiến sĩ.

Đề án nhận nhiệm vụ đào tạo tiên tiến sĩ được xây dựng theo quy định tại phụ lục III, bao gồm những nội dung:

- Chức năng nhiệm vụ và hoạt động của trung tâm; xác định quy mô, khả năng tiếp nhận người học của trung tâm; chương trình đào tạo; kế hoạch đào tạo, cách thức tổ chức các khóa học.

- Quy định về điều kiện tham gia, cam kết của học viên và đảm bảo thực hiện cam kết đối với những người đã được công nhận là NCS cũng như đối tượng chưa được công nhận là NCS; giám sát quá trình đào tạo; cam kết thực hiện hợp đồng và thanh lý hợp đồng theo thỏa thuận.

- Nêu rõ các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo để thực hiện chương trình đào tạo tiên tiến sĩ bao gồm: đội ngũ giảng dạy các ngoại ngữ và các kiến thức chuyên môn; cơ sở vật chất; kinh nghiệm đào tạo; kinh nghiệm hợp tác quốc tế trong đào tạo tiến sĩ; cam kết đầu ra: trình độ ngoại ngữ theo quy định tại Khoản 2 Phần II và năng lực chuyên môn quy định tại điểm b Khoản 2 Phần V của Quy định này.

6. Tổ chức thực hiện

- Những đối tượng quy định tại Khoản 1 Phần V của Quy định này có nhu cầu được đào tạo tiên tiến sĩ, đăng kí với trường ĐH, CĐ (nếu là giảng viên) để trường có công văn cử đi học; các đối tượng khác trực tiếp đăng kí học tại trung tâm.

- Kinh phí đào tạo sẽ do Bộ Giáo dục và Đào tạo chi trả 50%, các trường cử giảng viên đi học chi trả 50%. Các trường thuộc khu vực khó khăn (Tây Nguyên, Tây Bắc, Tây Nam Bộ) sẽ được xem xét miễn giảm khoản chi này.

- Đối với đối tượng chưa là giảng viên trường đại học, cao đẳng có nguyện vọng và cam kết tham gia chương trình này phải tự túc 50% chi phí đào tạo ngoại ngữ và trang bị kỹ năng tại các trung tâm tiên tiến sĩ.

- Đối với đối tượng chuẩn bị dự tuyển nghiên cứu sinh sẽ tự túc kinh phí học tập tại trung tâm đào tạo tiên tiến sĩ, sau khi chính thức được công nhận là nghiên cứu sinh sẽ được hoàn lại kinh phí học tập (việc bồi hoàn kinh phí sẽ được thực hiện tại các trung tâm đào tạo tiên tiến sĩ mà NCS theo học).

7. Trách nhiệm của các đơn vị liên quan trong đào tạo tiên tiến sĩ

a) Đối với Trung tâm đào tạo tiên tiến sĩ

- Cam kết đào tạo ngoại ngữ và năng lực chuyên môn đạt yêu cầu đầu ra theo đúng hợp đồng kí kết với Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Mức điểm đánh giá đạt yêu cầu theo hợp đồng là mức điểm thi lấy chứng chỉ quốc tế, có tính đến tỉ lệ rủi ro thông thường.

- Hoàn trả kinh phí cho người học khi đã được công nhận là nghiên cứu sinh.

b) Đối với cơ quan cử người đi học:

- Cử giảng viên đi học tập trung toàn phần, đủ số lượng đã đăng ký.

- Bố trí 50% kinh phí đào tạo, chi trả các trung tâm theo mức dự trù kinh phí đối với từng đối tượng đào tạo.

c) Đối với người đi học

- Dành toàn thời gian cho việc học tập theo nhiệm vụ được nhà trường giao.

- Trường hợp hết khóa đào tạo thông thường, khóa đào tạo bổ trợ của các trung tâm mà vẫn không đạt yêu cầu quy định thì sẽ phải bồi hoàn chi phí đào tạo./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



PHỤ LỤC I

(Kèm theo Quyết định số 207 /BGDDĐT-GDDH ngày 16 tháng 01 năm 2012
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

ĐỀ ÁN

ĐĂNG KÝ NHẬN NHIỆM VỤ ĐÀO TẠO GIẢNG VIÊN CÓ TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ CHO CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG GIAI ĐOẠN 2010-2020 THEO HÌNH THỨC HỖN HỢP

Tên cơ sở đào tạo:

Phần I. Thông tin chung

1.1. Giới thiệu về cơ sở đào tạo:

Giới thiệu khái quát về cơ sở đào tạo: Lịch sử phát triển, năm thành lập, năm bắt đầu đào tạo tiến sĩ; số lượng các chuyên ngành được giao đào tạo tiến sĩ; thành tích nghiên cứu khoa học đạt được trong 10 năm trở lại đây; những chuyên ngành thuộc thế mạnh của cơ sở đào tạo.

1.2. Kết quả đào tạo tiến sĩ

Bảng 1. Kết quả đào tạo tiến sĩ trong những năm gần đây

Năm	2001	2002	2003	2004	2005	2006	2007	2008	2009	2010
Chi tiêu tuyển mới										
Số NCS tuyển mới										
Quy mô đào tạo										
Số tốt nghiệp và được cấp bằng TS										
Số NCS quá hạn (tính theo năm tuyển)										
Số NCS thôi học (tính theo năm tuyển)										

1.3. Tổ chức và quản lý đào tạo

- Tên đơn vị quản lý đào tạo:
- Đội ngũ cán bộ chuyên trách quản lý NCS

Bảng 2. Đội ngũ cán bộ quản lý đào tạo trình độ tiến sĩ

TT	Họ và tên	Chức danh KH, học vị	Chuyên ngành	Nhiệm vụ	Ghi chú
1					
2					
...					

1.4. Tạp chí khoa học do cơ sở đào tạo xuất bản (nếu có): tên, năm bắt đầu ấn hành, số kỳ xuất bản mỗi năm, tổ chức và hoạt động, cơ chế biên tập và phản biện, uy tín và chất lượng...

1.5. Trang web của cơ sở đào tạo: địa chỉ website, chuyên trang đào tạo tiến sĩ; thông tin về kế hoạch đào tạo, bảo vệ luận án; cơ sở dữ liệu đào tạo tiến sĩ,...

Phần II. Xây dựng cho từng chuyên ngành đăng ký đào tạo

Căn cứ các qui định qui định tại Phần II về đào tạo tiến sĩ theo hình thức hỗn hợp của Qui định về tuyển sinh và tổ chức đào tạo tiến sĩ cho Đề án đào tạo giảng viên có trình độ tiến sĩ cho các trường đại học, cao đẳng giai đoạn 2010-2020 ban hành kèm theo Quyết định số /BGDDT-GDDH ngày tháng năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) để xây dựng phần này của đề án theo từng chuyên ngành.

2.1. Chuyên ngành/Chương trình đào tạo phối hợp:

2.1.1. Giới thiệu tóm tắt về cơ sở đào tạo phối hợp ở nước ngoài

- + Tên trường, tên nước, địa chỉ, website:
- + Vị trí và uy tín của cơ sở đào tạo nước ngoài tại nước sở tại và trên thế giới:
- + Quá trình hình thành và phát triển quan hệ hợp tác nghiên cứu khoa học và đào tạo trình độ tiến sĩ:
- + Văn bản thoả thuận hoặc Hợp đồng liên kết đào tạo:
- + Kết quả đào tạo phối hợp (nếu đã tổ chức đào tạo):

2.1.2. Đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy

Bảng 2.1.2. Đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy phối hợp

TT	Họ và tên, năm sinh	CDKH, năm công nhận	Học vị, năm công nhận	Số NCS hướng dẫn đã bảo vệ	Số NCS đang hướng dẫn	Số bài báo công bố trong nước 2006-2010	Số bài báo công bố ngoài nước 2006-2010
1							
2	...						

2.1.3. Cơ sở vật chất và các điều kiện đảm bảo chất lượng

- a) Thư viện: về nguồn tài liệu chuyên môn phục vụ chuyên ngành đào tạo:
- Sách chuyên khảo phục vụ chuyên ngành đào tạo:
 - Tài liệu, tạp chí chuyên ngành trong và ngoài nước của trường và của khoa;
 - Thư viện điện tử, khả năng kết nối với thư viện khoa học trong và ngoài nước;

Bảng 2.1.3.a Danh sách các thư viện, mạng cơ sở dữ liệu thông tin khoa học trong nước có khả năng kết nối và khai thác:

TT	Tên thư viện, mạng CSDL, thông tin khoa học	Tên nước	Đường dẫn, địa chỉ website

1			
2			

b) Phòng làm việc

- Chỗ làm việc cho người hướng dẫn NCS: bình quân số m2/ 1 người HD

- Chỗ làm việc cho NCS tại CSĐT: bình quân số m2/1 NCS

c) Phòng thí nghiệm phục vụ chuyên ngành đào tạo

Bảng 2.1.3.b. Danh sách phòng thí nghiệm, cơ sở thực nghiệm... chuyên ngành

STT	Tên phòng thí nghiệm, cơ sở thực nghiệm	Tình trạng trang thiết bị...
1		
2		

2.1.4. Hợp tác quốc tế

a) Hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành trong và ngoài nước

Bảng 2.1.4.a. Danh sách hội nghị, hội thảo quốc tế trong 5 năm trở lại đây

TT	Tên hội nghị, hội thảo quốc tế	Thời gian, địa điểm	Đơn vị tổ chức	Thông tin trên tạp chí, website
1				
2				

b) Chương trình, đề tài hợp tác nghiên cứu khoa học với nước ngoài

Bảng 2.1.4.b. Kết quả hợp tác nghiên cứu khoa học trong 5 năm trở lại đây

TT	Tên chương trình, đề tài	Cơ quan, tổ chức hợp tác	Năm bắt đầu/ Năm kết thúc	Số NCS tham gia	Kết quả NC trên tạp chí, website
1					
2					

- Khả năng hỗ trợ NCS công bố bài báo quốc tế: về chuyên môn, thủ tục, tài chính...

- Tên các chương trình (hay NCS) được đào tạo theo hình thức phối hợp, đồng hướng dẫn với nước ngoài.

2.1.5. Tuyển sinh và tổ chức, quản lý đào tạo

- Kế hoạch tuyển sinh: số lượng mỗi năm,

- Phương thức tuyển sinh, cách thức quảng bá, tổ chức tuyển sinh....

- Hình thức tổ chức đào tạo: thời gian đào tạo trong nước, thời gian đào tạo ở nước ngoài, kế hoạch nội dung đào tạo dự kiến ở trong nước và nước ngoài theo từng thời điểm .
- Tổ chức đào tạo trong nước:
 - + Biên chế NCS về khoa chuyên ngành hoặc tổ bộ môn để sinh hoạt chuyên môn theo Quy chế;
 - + Hướng dẫn khoa học trong nước; phối hợp với người hướng dẫn ở nước ngoài;
 - + Cách thức tổ chức triển khai nghiên cứu, thực hiện thí nghiệm, hội thảo...
 - + Việc duyệt báo cáo, bài báo khoa học; công bố kết quả nghiên cứu
 - + Việc hỗ trợ NCS đăng bài quốc tế (về chuyên môn, thủ tục, tài chính...);
- Tổ chức đào tạo ở nước ngoài
 - + Hướng dẫn khoa học ở nước ngoài; phối hợp với người hướng dẫn trong nước;
 - + ...
- Tổ chức duyệt luận án...
- Đánh giá và bảo vệ luận án
- Trách nhiệm cấp bằng...
- Cam kết về vai trò và trách nhiệm của mỗi bên trong chương trình
- Cam kết về kết quả đầu ra của NCS của chuyên ngành:
 - + Số lượng bài báo khoa học công bố trong nước (tạp chí chuyên ngành tính đến 1 điểm của Hội đồng chức danh giáo sư nhà nước quy định):
 - + Số lượng bài báo khoa học công bố ngoài nước (tạp chí quốc tế có uy tín):
 - + Số lượng hội thảo khoa học (trong nước, nước ngoài) tham gia có báo cáo:
 - +

3.2. Chuyên ngành/Chương trình đào tạo phối hợp:

..... (Các nội dung tương tự nêu trên)

3.3. Chuyên ngành/Chương trình đào tạo phối hợp:

..... (Các nội dung tương tự nêu trên)

B. Dự toán kinh phí đào tạo 1 NCS theo phương thức phối hợp (tính theo ngành)

(các nội dung ghi trong Mục chi ở đây có tính gợi ý)

TT	Nội dung chi	Mục chi	Mức chi	Thành tiền	Ghi chú
1	Chi đào tạo các học phần trong CTĐT	- Số tín chỉ/số chuyên đề: - Chi GV nước ngoài tham gia tuyển chọn NCS, đánh giá các môn học			
2	Chi người hướng	- Người hướng dẫn chính:			

	dẫn	+ ... - Người hướng dẫn phụ: + ...			
3	Chi Hội đồng chấm chuyên đề, luận án	- Số chuyên đề, số người trong hội đồng,...			
4	Chi hỗ trợ GV nước ngoài tham gia hướng dẫn, giảng dạy, đánh giá luận án...	- Đi lại: - Chỗ ở: - Sinh hoạt phí: - ...			
5	Chi cho tiến hành nghiên cứu luận án	- Khảo sát thực tiễn - Khảo cứu tư liệu - Dự HN/hội thảo quốc tế - Thực hiện thí nghiệm - Viết luận án - Đăng bài báo quốc tế - Văn phòng phẩm - Hỗ trợ sinh hoạt phí - ...			
6	Chi đào tạo tại nước ngoài	- Sinh hoạt phí: - Vé đi lại: - Trả học phí cho cơ sở đào tạo. - Trả phí tham dự hội nghị, hội thảo, đăng bài báo quốc tế - Mua sách, tài liệu...			
7	Chi phân biện độc lập	- Số người:			
8	Chi Hội đồng đơn vị chuyên môn	- Tính theo số thành viên, chức trách trong hội đồng:			
9	Chi Hội đồng cấp trường	- Bảo vệ trong nước: số thành viên, chức trách trong hội đồng, hỗ trợ GV nước ngoài (đi lại, ăn ở...) - Bảo vệ tại nước ngoài: số thành viên, đi lại, sinh hoạt phí - ...			
10	Nội dung khác...				
		Tổng số			

Nơi nhận:

.....

.....

- Lưu:

THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ ĐÀO TẠO

(Ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC II

(Kèm theo Quyết định số 207 /BGDDT-GDDH ngày 16 tháng 01 năm 2012
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

ĐỀ ÁN

ĐĂNG KÝ NHẬN NHIỆM VỤ ĐÀO TẠO GIẢNG VIÊN CÓ TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ CHO CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG GIAI ĐOẠN 2010-2020 Ở TRONG NƯỚC

Tên cơ sở đào tạo:

Phần I. Thông tin chung

1.1. Giới thiệu về cơ sở đào tạo:

Giới thiệu khái quát về cơ sở đào tạo: Lịch sử phát triển, năm thành lập, năm bắt đầu đào tạo tiến sĩ; số lượng các chuyên ngành được giao đào tạo tiến sĩ; thành tích nghiên cứu khoa học đạt được trong 10 năm trở lại đây; những chuyên ngành thuộc thế mạnh của cơ sở đào tạo.

1.2. Kết quả đào tạo tiến sĩ

Bảng 1. Kết quả đào tạo tiến sĩ trong những năm gần đây

Năm	2001	2002	2003	2004	2005	2006	2007	2008	2009	2010
Chỉ tiêu tuyển mới										
Số NCS tuyển mới										
Quy mô đào tạo										
Số tốt nghiệp và được cấp bằng TS										
Số NCS quá hạn (tính theo năm tuyển)										
Số NCS thôi học (tính theo năm tuyển)										

1.3. Tổ chức và quản lý đào tạo

- Tên đơn vị quản lý đào tạo:
- Đội ngũ cán bộ chuyên trách quản lý NCS

Bảng 2. Đội ngũ cán bộ quản lý đào tạo trình độ tiến sĩ

TT	Họ và tên	Chức danh KH, học vị	Chuyên ngành	Nhiệm vụ	Ghi chú
1					
2					

...					
-----	--	--	--	--	--

1.4. Tạp chí khoa học do cơ sở đào tạo xuất bản (nếu có): tên, năm bắt đầu ấn hành, số kỳ xuất bản mỗi năm, tổ chức và hoạt động, cơ chế biên tập và phản biện, uy tín và chất lượng...

1.5. Trang web của cơ sở đào tạo: địa chỉ website, chuyên trang đào tạo tiến sĩ; thông tin về kế hoạch đào tạo, bảo vệ luận án; cơ sở dữ liệu đào tạo tiến sĩ,...

Phần II. Xây dựng đề án cho từng chuyên ngành

Căn cứ các qui định qui định tại Phần I về đào tạo tiến sĩ trong nước của Qui định về tuyển sinh và tổ chức đào tạo tiến sĩ cho Đề án đào tạo giảng viên có trình độ tiến sĩ cho các trường đại học, cao đẳng giai đoạn 2010-2020 ban hành kèm theo Quyết định số /BGDDT-GDDH ngày tháng năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) để xây dựng phần này của đề án theo từng chuyên ngành.

2.1. Chuyên ngành đào tạo:

2.1.1. Thông tin về chuyên ngành đào tạo NCS:

- Năm được giao chuyên ngành đào tạo:
- Đơn vị quản lý chuyên môn (khoa, bộ môn, phòng chuyên môn):

2.1.2 Kết quả đào tạo trong 10 năm trở lại đây

Bảng 2.1.1. Kết quả đào tạo của chuyên ngành

Năm	2001	2002	2003	2004	2005	2006	2007	2008	2009	2010
Quy mô đào tạo										
Số NCS tuyển mới										
Số tốt nghiệp và cấp bằng TS										
Số NCS quá hạn (tính theo năm tuyển)										
Số NCS thôi học (tính theo năm tuyển)										

2.1.3. Đội ngũ cán bộ khoa học cơ hữu tham gia đào tạo chuyên ngành

Bảng 2.1.2. Danh sách đội ngũ giảng viên cơ hữu tham gia đào tạo chuyên ngành

TT	Họ và tên, năm sinh	Chức danh KH, năm công nhận	Học vị, năm công nhận	Số NCS hướng dẫn đã bảo vệ	Số NCS đang hướng dẫn	Số bài báo công bố trong nước 2006-2010	Số bài báo công bố ngoài nước 2006-2010
1							
2	...						

2.1.4. Cơ sở vật chất và các điều kiện đảm bảo chất lượng

- a) Thư viện: về nguồn tài liệu chuyên môn phục vụ chuyên ngành đào tạo:
- Sách chuyên khảo phục vụ chuyên ngành đào tạo;
 - Tài liệu, tạp chí chuyên ngành trong và ngoài nước của trường và của khoa;
 - Thư viện điện tử, khả năng kết nối với thư viện khoa học trong và ngoài nước;

Bảng 2.1.3. Danh sách các thư viện, mạng cơ sở dữ liệu thông tin khoa học trong nước có khả năng kết nối và khai thác:

TT	Tên thư viện, mạng CSDL, thông tin khoa học	Tên nước	Đường dẫn, địa chỉ website
1			
2			

b) Phòng làm việc

- Chỗ làm việc cho người hướng dẫn NCS: bình quân số m2/ 1 người HD
- Chỗ làm việc cho NCS tại CSĐT: bình quân số m2/1 NCS

c) Phòng thí nghiệm phục vụ chuyên ngành đào tạo

Bảng 2.1.4. Danh sách phòng thí nghiệm, cơ sở thực nghiệm... chuyên ngành

STT	Tên phòng thí nghiệm, cơ sở thực nghiệm	Tình trạng trang thiết bị...
1		
2		

2.1.5. Hợp tác quốc tế

a) Hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành trong và ngoài nước

Bảng 2.1.5. Danh sách hội nghị, hội thảo quốc tế trong 5 năm trở lại đây

TT	Tên hội nghị, hội thảo quốc tế	Thời gian, địa điểm	Đơn vị tổ chức	Thông tin trên tạp chí, website
1				
2				

b) Chương trình, đề tài hợp tác nghiên cứu khoa học với nước ngoài

Bảng 2.1.6. Kết quả hợp tác nghiên cứu khoa học trong 5 năm trở lại đây

TT	Tên chương trình, đề tài	Cơ quan, tổ chức hợp tác	Năm bắt đầu/ Năm kết thúc	Số NCS tham gia	Kết quả NC trên tạp chí, website
1					
2					

- Khả năng hỗ trợ NCS công bố bài báo quốc tế: về chuyên môn, thủ tục, tài chính...

- Tên các chương trình (hay NCS) được đào tạo theo hình thức phối hợp, đồng hướng dẫn với nước ngoài.

2.1.6. Kế hoạch tuyển sinh: Số NCS/năm của chuyên ngành

2.2. Chuyên ngành:

... (các nội dung tương tự nêu trên)

2.3. Chuyên ngành:

... (các nội dung tương tự nêu trên)

2.4. Tổ chức triển khai

2.4.1. Tuyển sinh

+ Tuyển sinh (đảm bảo đúng đối tượng, đúng yêu cầu của Quy chế đào tạo tiến sĩ hiện hành, cách thức quảng bá, tổ chức tuyển sinh...):

2.4.2. Tổ chức đào tạo: nêu cụ thể quy trình tổ chức đào tạo, cách thức triển khai như:

- Đào tạo tập trung NCS toàn thời gian;
- Biên chế NCS về khoa chuyên ngành hoặc tổ bộ môn để sinh hoạt chuyên môn theo Quy chế;
- Về hướng dẫn khoa học, lề lối làm việc giữa NCS và người hướng dẫn...
- Cách thức tổ chức triển khai nghiên cứu, thực hiện thí nghiệm, hội thảo...
- Gửi NCS đi thực tập ở nước ngoài;
- Việc duyệt báo cáo, bài báo khoa học;
- Việc hỗ trợ NCS đăng bài quốc tế (về chuyên môn, thủ tục, tài chính...);
- Tổ chức phản biện độc lập, duyệt luận án...
- ...

2.4.3. Cam kết về kết quả đầu ra của NCS của chuyên ngành

- Số lượng bài báo khoa học công bố trong nước (tạp chí chuyên ngành tính đến 1 điểm của Hội đồng chức danh giáo sư nhà nước quy định):

- Số lượng bài báo khoa học công bố ngoài nước (tạp chí quốc tế có uy tín):

- Số lượng hội thảo khoa học (trong nước, nước ngoài) tham gia có báo cáo:

- ...

2.5. Dự toán kinh phí đào tạo 1 NCS ở trong nước (tính theo ngành (nhóm chuyên ngành) nếu có sự khác nhau giữa các ngành).

(các nội dung ghi trong Mục chi ở đây có tính gợi ý)

TT	Nội dung chi	Mục chi	Mức chi	Thành tiền	Ghi chú
1	Chi đào tạo các học phần trong CTĐT	- Số tín chỉ: - Số chuyên đề:			
2	Chi người hướng dẫn	- Người hướng dẫn chính: + + - Người hướng dẫn phụ: + +			
3	Chi Hội đồng chấm chuyên đề, luận án	- Số chuyên đề, số người trong hội đồng,...			
4	Chi cho tiến hành nghiên cứu, viết luận án	- Khảo sát thực tiễn - Khảo cứu tư liệu - Dự HN/hội thảo quốc tế - Thực hiện thí nghiệm - Viết luận án - Đăng bài báo quốc tế - Văn phòng phẩm - Hỗ trợ sinh hoạt phí - ...			
5	Chi thực tập, NC ngoài nước	- Sinh hoạt phí: - Vé đi lại: - Trả cho cơ sở thực tập...			
6	Chi phân biện độc lập	- Số người:			
7	Chi Hội đồng đơn vị chuyên môn	- Tính theo số thành viên, chức trách trong hội đồng:			
8	Chi Hội đồng cấp trường	- Tính theo số thành viên, chức trách trong hội đồng:			
9	Nội dung khác...				
Tổng số					

Nơi nhận:

-.....
-.....
- Lưu:

THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ ĐÀO TẠO

(Ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC III

(Kèm theo Quyết định số 207 /BGDDT-GDDH ngày 16 tháng 01 năm 2012
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

ĐỀ ÁN

ĐĂNG KÝ NHẬN NHIỆM VỤ ĐÀO TẠO TIỀN TIẾN SĨ CHO ĐỀ ÁN ĐÀO TẠO GIẢNG VIÊN CÓ TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ CHO CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG GIAI ĐOẠN 2010-2020

Tên cơ sở đào tạo:

I. Thông tin chung của Trung tâm đào tạo tiến sĩ

1. Chức năng nhiệm vụ và hoạt động của trung tâm
2. Xác định quy mô, khả năng tiếp nhận người học của trung tâm:
3. Đối tượng học viên (trong nước, đào tạo phối hợp, ngoài nước; cho NCS của cơ sở đào tạo hay cho cơ sở khác):
4. Điều kiện tham gia, cam kết của học viên; cam kết thực hiện hợp đồng và thanh lý hợp đồng theo thỏa thuận.
5. Thời gian đào tạo:
6. Số lượng học viên có thể tiếp nhận:

II. Nội dung đề án

Căn cứ các qui định qui định tại Phần III về đào tạo tiến sĩ của Quy định về tuyển sinh và tổ chức đào tạo tiến sĩ cho Đề án đào tạo giảng viên có trình độ tiến sĩ cho các trường đại học, cao đẳng giai đoạn 2010-2020 ban hành kèm theo Quyết định số /BGDDT-GDDH ngày tháng năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) để xây dựng phần này của đề án

2.1. Bồi dưỡng ngoại ngữ

2.1.1. Giới thiệu về chương trình bồi dưỡng ngoại ngữ

- Những ngoại ngữ đăng ký đào tạo, bồi dưỡng:
- Năm được giao nhiệm vụ đào tạo trình độ đại học từng ngoại ngữ:
- Kết quả đào tạo, bồi dưỡng đến nay:

2.1.2. Đội ngũ giảng viên trong nước tham gia giảng dạy

TT	Họ và tên, năm sinh	Ngoại ngữ sẽ giảng dạy	Trình độ được đào tạo	Nước đào tạo	Thời gian đã giảng dạy
1					
2	...				

2.1.3. Đội ngũ giảng viên nước ngoài tham gia giảng dạy

TT	Họ và tên, năm sinh	Ngoại ngữ sẽ giảng dạy	Trình độ được đào tạo	Nước	Thời gian tham gia giảng dạy
1					
2	...				

2.1.4. Cơ sở vật chất và các điều kiện đảm bảo chất lượng

a) Thư viện: về nguồn tài liệu chuyên môn phục vụ chuyên ngành đào tạo:

- Sách chuyên khảo phục vụ chuyên ngành đào tạo;
- Tài liệu, tạp chí chuyên ngành trong và ngoài nước của trường và của khoa;
- Trung tâm tư liệu, nguồn thông tin tư liệu, tài liệu học tập, băng đĩa và các phần mềm học ngoại ngữ... và trang thiết bị, phương tiện (máy tính kết nối Internet, máy cassette...).

- Thư viện điện tử, khả năng kết nối với thư viện khoa học trong và ngoài nước;

Bảng 2.1.3. Danh sách các thư viện, mạng cơ sở dữ liệu thông tin khoa học trong nước có khả năng kết nối và khai thác:

TT	Tên thư viện, mạng CSDL, thông tin khoa học	Tên nước	Đường dẫn, địa chỉ website
1			
2			

b) Phòng tự học

- Chỗ học tập cho người học: bình quân số m2/ người học
- Chỗ làm việc cho giảng viên tại trung tâm: bình quân số m2/1 GV

c) Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo ngoại ngữ

Bảng 2.1.4. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo ngoại ngữ

STT	Tên trang thiết bị/phòng	Tình trạng trang thiết bị...
1		
2		

2.1.5. Hợp tác quốc tế

a) Kinh nghiệm hợp tác quốc tế trong lĩnh vực giảng dạy ngoại ngữ và bồi dưỡng chuyên môn, kỹ năng khác với các trường, tổ chức, trung tâm quốc tế

b) Hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành trong và ngoài nước

Bảng 1.5. Danh sách hội nghị, hội thảo quốc tế trong 5 năm trở lại đây

TT	Tên hội nghị, hội thảo quốc tế	Thời gian, địa điểm	Đơn vị tổ chức	Thông tin trên tạp chí, website
1				
2				

2.1.6 Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng

- Cách thức tổ chức đào tạo:
- Thời gian cho mỗi khóa theo trình độ đầu vào:
- Số lượng khóa học theo từng ngoại ngữ có thể tổ chức mỗi năm:
- Số lượng học viên mỗi khóa có thể tiếp nhận:
- Cam kết trình độ của học viên khi kết thúc khóa học:

2.2. Bồi dưỡng các kỹ năng khác

2.2.1. Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng chung cho NCS

- Phương pháp tổ chức, triển khai nghiên cứu khoa học; chọn hướng, đề tài nghiên cứu; cách viết tiểu luận tổng quan; lựa chọn phương pháp nghiên cứu; trình bày nội dung nghiên cứu, kết quả nghiên cứu; cách viết thảo luận và kết luận của luận án tiến sĩ; cách viết và đăng bài trên các tạp chí khoa học; chia sẻ kinh nghiệm về quá trình học tiến sĩ; lập danh mục các trường và website liên kết với các chương trình đào tạo tiến sĩ trong chuyên ngành để học viên tìm hiểu

2.2.2. Đối với NCS đi học nước ngoài:

- Hướng dẫn chuẩn bị hồ sơ dự tuyển gửi CSĐT nước ngoài:
- Tập huấn định hướng chuẩn bị cho NCS đi học nước ngoài:
- Tổ chức học chính trị tư tưởng; phổ biến Quy chế lưu học sinh Việt Nam ở nước ngoài; đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước...

2.2.3. Đối với NCS đào tạo trong nước:

- Hướng dẫn lập hồ sơ đăng ký dự tuyển trong nước:
- Những nội dung chuẩn bị cho NCS trước khi vào chính khóa
- Số lượng học viên có thể tiếp nhận:

2.3. Dự toán kinh phí đào tạo bồi dưỡng tiến sĩ

(các nội dung ghi trong Mục chi ở đây có tính gợi ý)

TT	Nội dung chi	Mục chi	Mức chi	Thành tiền	Ghi chú
1	Chi hoạt động bồi dưỡng ngoại ngữ	Hợp đồng trọn gói bao gồm: - Chi giờ dạy, ra đề thi,			

		chấm thi, cấp chứng chỉ; cung cấp học liệu cho học viên - Khác nhau theo độ dài khóa học để đầu ra đạt 500 TOEFL/5.0 IELTS...			
2	Bồi dưỡng năng lực nghiên cứu	- Nội dung: bồi dưỡng năng lực xây dựng đề cương NC; lập kế hoạch NC, PP hội cứu tư liệu, cách tổ chức khảo sát thực tiễn; tổng kết kinh nghiệm; cách viết báo cáo NCKH, thuyết trình báo cáo - Chi biên soạn tài liệu - Chi giảng dạy 2 tín chỉ - Đi lại, sinh hoạt phí GV nước ngoài (nếu có) - Chi hỗ trợ người học: tài liệu, sinh hoạt phí...			
3	Bồi dưỡng những kiến thức khác	- Nội dung: - Chi biên soạn tài liệu - Chi giảng dạy 1 tín chỉ - Đi lại, sinh hoạt phí GV nước ngoài (nếu có) - Chi hỗ trợ người học: tài liệu, sinh hoạt phí...			

Nơi nhận:

-
-
- Lưu:

THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ ĐÀO TẠO

(Ký tên, đóng dấu)